

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: Phó giáo sư**

**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó:  ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên  ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **KINH TẾ**; Chuyên ngành: **QUẢN LÝ CÔNG**

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: **NGUYỄN ĐĂNG NÚI**

2. Ngày tháng năm sinh: 24/9/1983; Nam  ; Nữ  ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: xã Liên Bảo, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Căn hộ 0709, Nhà T10, Khu đô thị Vinhomes Times City, 458 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: Phòng 612C Toà A1, Trường đại học Kinh tế Quốc dân, 207 Giải Phóng, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0919583221; E-mail: nuind@neu.edu.vn

**7. Quá trình công tác:**

*Từ tháng 9 năm 2015 đến nay: giảng viên Trường đại học Kinh tế Quốc dân, quá trình công tác cụ thể như sau:*

- Từ 9/2015 đến 10/2018: Giảng viên Bộ môn Quản lý kinh tế, Khoa Khoa học quản lý.

- Từ 10/2018 đến 7/2019: Giảng viên Bộ môn Quản lý xã hội, Khoa Khoa học quản lý.

- Từ 7/2019 đến 4/2024: Phó Trưởng bộ môn Quản lý xã hội, Khoa Khoa học quản lý.

- Từ 4/2024 đến nay: Chánh văn phòng Trường Kinh tế và Quản lý công

Chức vụ: Hiện nay: Chánh văn phòng Trường Kinh tế và Quản lý công, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Chức vụ cao nhất đã qua: Chánh văn phòng

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Kinh tế và Quản lý công, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Địa chỉ cơ quan: 207 Giải Phóng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 024 36280280

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không.

8. Đã nghỉ hưu: Chưa nghỉ hưu.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 22 tháng 6 năm 2005; số văn bằng: 649227; ngành: Kinh tế, chuyên ngành: Kinh tế đầu tư; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 25 tháng 5 năm 2009; số văn bằng: 047946; ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Kinh tế đầu tư; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Việt Nam

- Được cấp bằng TS ngày 21 tháng 6 năm 2014; số văn bằng: 100369201401000008; ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Kinh tế đối ngoại; Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Kinh tế Mậu dịch đối ngoại, Trung Quốc

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ..... tháng ..... năm ..... , ngành: .....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Trong hơn 8 năm giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, tôi tập trung vào 2 hướng nghiên cứu chủ yếu sau:

\* **Hướng nghiên cứu 1: Chính sách công.** Hướng nghiên cứu này tập trung vào các chủ đề về phân tích và đánh giá chính sách, quá trình tổ chức thực thi chính sách của Nhà nước đối với một vấn đề công, cụ thể như đào tạo nghề, dịch vụ xã hội cơ bản, giải quyết việc làm...

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 1 bao gồm:

- Số lượng bài báo và báo cáo khoa học đã công bố: 11/32 bài

Số thứ tự [2], [4], [5], [9], [13], [15], [17], [18], [25], [29], [32]

Trong đó, số bài báo khoa học đăng trên tạp chí uy tín là tác giả chính sau TS là 01 bài: [25]

- Số lượng sách phục vụ đào tạo: 6/10 sách, có số thứ tự [2], [3], [5], [6], [8], [10]

Trong đó, số lượng sách chuyên khảo, chương sách do NXB có uy tín trên thế giới xuất bản: 5/10 sách. Số thứ tự [3], [5], [6], [8], [10]

- Đề tài khoa học: chủ nhiệm, thư ký khoa học 3/4 đề tài cấp Nhà nước, Bộ, Cơ sở

Số thứ tự [1], [2], [4]

- Hướng dẫn NCS đã có QĐ cấp bằng: 1/3 NCS

Số thứ tự [2]

\* **Hướng nghiên cứu 2: Quản lý nhà nước.** Hướng nghiên cứu này tập trung vào các chủ đề về vai trò, bộ máy, chức năng, phương pháp, công cụ, các nhân tố ảnh hưởng, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước đối với nền kinh tế, một ngành hoặc lĩnh vực cụ thể như giáo dục, y tế, hành chính công ...

Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học theo hướng nghiên cứu 2 bao gồm:

- Số lượng bài báo và báo cáo khoa học đã công bố: 21/32 bài

Số thứ tự [1], [3], [6], [7], [8], [10], [11], [12], [14], [16], [19], [20], [21], [22], [23], [24], [26], [27], [28], [30], [31]

Trong đó, số bài báo khoa học đăng trên tạp chí uy tín là **tác giả chính** sau TS là 1 bài: [30]

- Số lượng sách phục vụ đào tạo: 4/10 sách có số thứ tự [1], [4], [7], [9]

Trong đó, số lượng **sách chuyên khảo, chương sách do NXB có uy tín trên thế giới** xuất bản: 2/10 sách

Số thứ tự [4], [9]

- Đề tài khoa học: chủ nhiệm 1/4 đề tài cấp Nhà nước, Bộ, Cơ sở

Số thứ tự [3]

- Hướng dẫn NCS đã có QĐ cấp bằng: 2/3 NCS

Số thứ tự [1], [3]

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn **03 NCS** bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn **06 HVCH** bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: **04 đề tài**

+ **Thư ký 01** đề tài NCKH cấp **Nhà nước**;

+ **Chủ nhiệm 02** đề tài NCKH cấp **Bộ và tương đương**;

+ **Chủ nhiệm 01** đề tài NCKH cấp **Cơ sở**.

- Đã công bố **32** bài báo khoa học, báo cáo khoa học trong đó 5 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Số lượng sách đã xuất bản: **10**, trong đó **7** sách chuyên khảo, chương sách do NXB có uy tín trên thế giới xuất bản;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở và chiến sĩ thi đua cấp bộ

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ**

### **1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:**

Sau khi nhận bằng Tiến sĩ Kinh tế năm 2014, tôi trở thành giảng viên của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân vào tháng 9 năm 2015. Từ khi nhận được học vị tiến sĩ, tôi đã dành thời gian tham gia giảng dạy, xây dựng, phát triển chương trình đào tạo đại học và sau đại học, tích cực tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp. Với vai trò là Phó trưởng Bộ môn Quản lý xã hội giai đoạn 2019-2024 và Chánh văn phòng Trường Kinh tế và Quản lý công, tôi đã không ngừng nỗ lực đóng góp tích cực vào quá trình phát triển của Khoa và của Nhà trường. Tôi tự đánh giá mình:

*Về phẩm chất chính trị:* Trung thành với Tổ quốc; chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của nhà trường, địa phương nơi cư trú.

*Về đạo đức, lối sống:* Có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với nghề, được người học, đồng nghiệp tôn trọng; lối sống lành mạnh, tích cực tìm tòi và áp dụng phương pháp giảng dạy, nghiên cứu khoa học hiện đại; thường xuyên học tập, cập nhật kiến thức và rèn luyện kỹ năng của nhà giáo, nhà khoa học.

*Về giảng dạy và công tác chuyên môn:* Có nhiều đóng góp trong việc xây dựng, phát triển chương trình, nội dung, phương pháp dạy học và nghiên cứu khoa học, tiêu biểu là:

+ Tham gia xây dựng mới đề án và chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Chính sách công. Tham gia hoàn thiện chương trình đào tạo cử nhân Quản lý công và Chính sách bằng tiếng Anh (EPMP) và chương trình đào tạo cử nhân bằng tiếng Việt ngành Quản lý công.

+ Chủ trì, tham gia thiết kế và giảng dạy học phần: Leaderships in Public and Nonprofit Organizations cho chương trình EPMP; Học phần Lãnh đạo học cho chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản lý công, học phần Quản lý chương trình và dự án công cho chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

+ Tham gia biên soạn 3 giáo trình cho các hệ đào tạo của khoa Khoa học quản lý.

*Về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:*

+ Tôi đã tập trung thực hiện các công trình NCKH để có thể công bố kết quả trong các hội thảo khoa học quốc tế, quốc gia và các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế. Tôi đã chủ trì và tham gia nhiều đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp bộ và cơ sở. Kết quả nghiên cứu của các đề tài này đã được chuyển giao bằng nhiều hình thức khác nhau đến các tổ chức, cơ quan và cá nhân, góp phần cho việc hoàn thiện chính sách và quản lý nhà nước trong thời gian qua.

+ Tôi đã làm chủ biên và tham gia viết các cuốn sách chuyên khảo phục vụ đào tạo đại học và sau đại học. Các cuốn sách này được xuất bản bởi các nhà xuất bản có uy tín và đã nhận được sự quan tâm của các học giả, học viên và cơ quan quản lý nhà nước.

+ Tôi cũng luôn tích cực tham gia trình bày tại các hội thảo khoa học các cấp.

+ Là giảng viên, nhà khoa học, tôi luôn hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ được giao trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 8 năm 10 tháng

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2018-2019		2	3	14	286	297	583/991,8/270
2	2019-2020		2	3	12	162	99	261/389,4/229,5
3	2020-2021		3	2	9	195	480	675/1315,2/229,5
03 năm học cuối								
4	2021-2022		2	3	14	384	384	768/1248/229,5
5	2022-2023		1	3	18	288	336	624/1060,8/229,5
6	2023-2024		1	3	12	288	432	720/1233,6/229,5

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ:

#### 3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: **Tiếng Anh**

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm .....

- Bảo vệ luận văn  ThS hoặc luận án  TS hoặc  TSKH; tại nước: Trung Quốc năm 2014

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: **Tiếng Anh**

- Nơi giảng dạy: Chương trình E-PMP, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

d) Đối tượng khác ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): .....

4. Hướng dẫn NCS, HVCH đã được cấp bằng

TT	Họ tên NCS/ HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Minh Tuấn	X			X	11/2018 – 12/2021	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	29/3/2022
2	Lê Thị Thu Hương	X			X	12/2018 – 02/2021	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	06/5/2021
3	Nguyễn Đăng Dũng	X			X	02/2020-02/2023	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	21/6/2023
4	Chu Thị Liễu		X			12/2020 – 10/2021	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	22/4/2022
5	Vũ Hoàng Tuấn		X			12/2020 – 10/2021	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	22/4/2022
6	Nguyễn Thị Thanh An		X			12/2021-10/2022	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	09/2/2023
7	Nguyễn Thu Phương		X			12/2021-10/2022	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	09/2/2023
8	Đặng Quốc Việt		X			12/2022 – 10/2023	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	08/3/2024
9	Hà Mạnh Hải		X			12/2022 – 10/2023	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	08/3/2024

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	<i>Quản lý giáo dục</i>	GT	Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2019 ISBN: 978-604-946-538-3	10		Sách có 323 trang, 5 chương Viết cùng 1 tác giả khác chương 4 (183-255)	QĐ số 2266/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 12/11/2021

2	<i>Chính sách công (Chính sách kinh tế - xã hội)</i>	GT	Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, 2019 ISBN: 978-604-946-540-6	13		Sách có 543 trang, 12 chương Viết cùng 1 tác giả khác chương 10 (421 – 460)	QĐ số 2267/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 12/11/2021
3	<i>Chính sách công - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam</i>	CK	Nxb Lý luận Chính trị 2020 ISBN: 978-604-962-554-1	5		Sách có 255 trang, 5 chương (5 tác giả).	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
4	<i>Quản lý nhà nước về giáo dục đại học: Kinh nghiệm của Trung Quốc và khuyến nghị cho Việt Nam</i>	CK	Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 2020 ISBN: 978-604-57-5982-0	7		Sách có 527 trang, 12 chương	QĐ số 2851/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 31/12/2021
5	<i>Chính sách dạy nghề và giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam</i>	CK	Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 2020 ISBN: 978-604-57-6065-9	7	<b>CB</b>	Sách có 287 trang, 3 chương	QĐ số 2852/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 31/12/2021
6	<i>Management for Sustainable and Inclusive Development in a Transforming Asia</i>  <i>Chapter 6: Vocational training policy for ethnic minority labour in transitional countries: the case study in the Northwestern of Vietnam</i>	CK	<b>Springer</b> ISBN 978-981-15-8194-6 ISBN 978-981-15-8195-3 (eBook) Công bố 12/2020 DOI: <a href="https://doi.org/10.1007/978-981-15-8195-3_6">https://doi.org/10.1007/978-981-15-8195-3_6</a>	43		Sách có 340 trang, 19 chương (43 tác giả). <b>Tác giả chính</b> chương 6, 103-123 (Có 4 tác giả viết chương 6)	Trường Đại học Kinh tế quốc dân

7	<i>Khu vực công và Quản lý công</i>	GT	Nxb ĐH Kinh tế Quốc dân, 2022 ISBN: 978-604-330-265-3	3		Sách có 378 trang, 5 chương. Viết cùng 2 tác giả khác chương 2 (102-186), Viết cùng 1 tác giả khác 2 chương 3, 4 (187-289)	QĐ số 2350/QĐ-ĐHKQTQ ngày 17/10/2022
8	<i>Chính sách đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân tộc thiểu số ở Việt Nam</i>	CK	Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 2023 ISBN	15		Sách có 316 trang, 8 chương	QĐ số 572/QĐ-ĐHKQTQ ngày 23/06/2023
9	<i>Knowledge Transformation and Innovation in Global Society Chapter 9: The Impact of Electronic Tax System on Tax Compliance of Vietnamese Small and Medium Enterprises</i>	CK	<b>Springer</b> 78-981-99-7301-9 (eBook) Công bố 02/2024 DOI: <a href="https://doi.org/10.1007/978-981-99-7301-9_9">https://doi.org/10.1007/978-981-99-7301-9_9</a>	3		Sách có 637 trang, 31 chương (78 tác giả). <b>Tác giả chính</b> chương 9, 179-198 (Có 3 tác giả viết chương 9)	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
10	<i>Knowledge Transformation and Innovation in Global Society Chapter 25: Research on the Export of Vietnamese Agricultural Products in the Context of the Effective EVFTA Agreement</i>	CK	<b>Springer</b> 78-981-99-7301-9 (eBook) Công bố 02/2024 DOI: <a href="https://doi.org/10.1007/978-981-99-7301-9_25">https://doi.org/10.1007/978-981-99-7301-9_25</a>	2		Sách có 637 trang, 31 chương (78 tác giả). <b>Tác giả chính</b> chương 25, 489-511 (Có 2 tác giả viết chương 25)	Trường Đại học Kinh tế quốc dân



Trong đó: **04** sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: [5], [6], [9], [10]

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
II	Sau khi được công nhận TS				
1	<i>Chính sách đào tạo nghề đối với người dân tộc vùng dân tộc thiểu số Tây Bắc: Nghiên cứu trường hợp tỉnh Điện Biên</i>	CN	KTQD/V2017.45 Cấp cơ sở Quyết định số 90/QĐ-ĐHKQTQD ngày 16/01/2017	01/2017 – 12/2017	25/9/2018 Xếp loại tốt
2	<i>Hệ thống hóa và đánh giá các chính sách về đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân vùng dân tộc thiểu số từ năm 1986 đến nay</i>	CN	Nhánh đề tài Nhà nước, Mã số: CTDĐT.19.17/16-20 Quyết định số 2416/ QĐ-ĐHKQTQD ngày 29/12/2017	8/2018 – 10/2018	22/10/2018 Xếp loại xuất sắc
3	<i>Xây dựng báo cáo khảo sát nước ngoài, báo cáo tổng luận đề tài, báo cáo tóm tắt và báo cáo kiến nghị</i>	CN	Nhánh đề tài Nhà nước, Mã số: KHGD/16-20.ĐT003 Quyết định số 2400/ QĐ-ĐHKQTQD ngày 29/12/2017	7/2019 – 3/2020	03/4/2020 Xếp loại xuất sắc
4	<i>Đánh giá hiệu quả và tác động của chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc từ đổi mới đến nay</i>	TK	CTDĐT.26.17/16-20 Cấp Nhà nước Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 28/4/2017	7/2017 – 6/2020	29/10/2020 Xếp loại đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
II	Sau khi được công nhận TS							
1	<i>Trans-pacific partnership: opportunities and challenges for Vietnam</i>	2		Kỷ yếu hội thảo quốc tế ICYREB 2015: Economics, Management and Business in Global Society ISBN: 978-604-946-051-7			3-16	12/2015
2	<i>Chính sách đào tạo nghề đối với lao động dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc</i>	2		Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Đánh giá chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm và đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân tộc thiểu số từ Đổi mới đến nay ISBN: 978-604-65-3453-2			137-149	5/2018
3	<i>Dịch vụ xã hội cơ bản, dạy nghề và giải quyết việc làm cho lao động dân tộc thiểu số</i>	3		Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Đánh giá chính sách dạy nghề, giải quyết việc làm và đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân tộc thiểu số từ Đổi mới đến nay ISBN: 978-604-65-3453-2			1-15	5/2018

4	<i>China's higher education development: Policy review and recommendations</i>	7		Kỷ yếu Hội thảo quốc tế CIEMB 2018: Contemporary Issues in Economics, Management and Business ISBN: 978-604-65-3728-1			1912-1922	11/2018
5	<i>Policies for Higher Education Development in the People's Republic of China</i>	5		Journal of Economics and Development ISSN: 1859-0020		4	21 (Special Issue): 175-194	01/2019
6	<i>Sáp nhập, giải thể và sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục Trung Quốc và một số khuyến nghị cho Việt Nam</i>	1	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Giáo dục đại học và một số vấn đề xã hội ở Việt Nam ISBN: 978-604-65-4001-4			16-23	4/2019
7	<i>Phát triển đại học đẳng cấp quốc tế: Kinh nghiệm Trung Quốc và khuyến nghị đối với Việt Nam</i>	3		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam ISSN: 1859-4794			273: 23-26	6/2019
8	<i>Kinh nghiệm xây dựng hệ thống cơ sở giáo dục sư phạm của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa: Một số gợi ý với Việt Nam</i>	2	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Quản lý nhà nước đối với giáo dục đại học: Kinh nghiệm Trung Quốc và khuyến nghị đối với Việt Nam ISBN: 978-604-65-4377-0			38-42	9/2019
9	<i>China's higher education development: Policy review and recommendations</i>	6		Journal of Community Positive Practices ISSN: 1582-8344		3	XIX (3): 74-83 <a href="https://doi.org/10.35782/JCPP.2019.3.06">https://doi.org/10.35782/JCPP.2019.3.06</a>	9/2019

10	<i>Đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân tộc thiểu số ở Việt Nam</i>	4		Tạp chí Kinh tế và Quản lý ISSN: 1859-4565			32: 54-57	12/2019
11	<i>Dạy nghề và giải quyết việc làm cho người dân tộc thiểu số: Thực trạng và giải pháp</i>	3	X	Tạp chí Kinh tế và Quản lý ISSN: 1859-4565			33: 46-50	3/2020
12	<i>Tác động của đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản đến chất lượng cuộc sống của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam</i>	3		Tạp chí Kinh tế và Phát triển ISSN: 1859-0012			273: 11-18	3/2020
13	<i>Chính sách đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người dân tộc vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam</i>	2		Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Dạy nghề và giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc ISBN: 978-604-65-4858-4			6-18	4/2020
14	<i>Tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam</i>	2		Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Chính sách đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân vùng dân tộc thiểu số ISBN: 978-604-65-4860-7			1-11	4/2020
15	<i>Ensuring basic education for ethnic minority groups in Vietnam</i>	8		Management Science Letters ISSN: 1923-9335	<b>Scopus (Q4)</b> Last coverage: 2020, 10 (16): 4045-4054	4	10 (12): 2805-2812 <a href="http://dx.doi.org/10.5267/j.msl.2020.4.029">http://dx.doi.org/10.5267/j.msl.2020.4.029</a>	4/2020

16	<i>Thiếu hụt trong tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp</i>	1	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân vùng dân tộc thiểu số: định hướng và giải pháp đến 2030 ISBN: 978-604-65-4908-6			1-12	5/2020
17	<i>Thực trạng chính sách dạy nghề và giải quyết việc làm cho người dân tộc thiểu số ở Việt Nam</i>	1	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Dạy nghề, giải quyết việc làm cho lao động vùng dân tộc: định hướng và giải pháp chính sách đến 2030 ISBN: 978-604-65-4907-9			23-32	5/2020
18	<i>Impact of Vocational Training on Wages of Ethnic Minority Labors in Vietnam</i>	8		Journal of Asian Finance, Economics and Business ISSN: 2288-4637	<b>ESCI (ISI)</b> WoS de-listed March 2023 <b>Scopus (Q3)</b> Last coverage : 2021, 8(4): 1076-1090	13	7 (6): 551-560 <a href="https://doi.org/10.13106/jafeb.2020.vol7.no6.51">https://doi.org/10.13106/jafeb.2020.vol7.no6.51</a>	6/2020
19	<i>Shortage in Access to Basic Social Services: A Case Study of Ethnic Minority Groups in Vietnam</i>	3		European Journal of Business and Management ISSN: 2222-1905			12 (17): 142-148 <a href="http://doi.org/10.7176/EJBM/12-17-15">http://doi.org/10.7176/EJBM/12-17-15</a>	6/2020
20	<i>Assessment of Basic Social Services Coverage on Life Quality for Ethnic Minorities in Vietnam</i>	4		International Journal of Innovation, Creativity and Change ISSN: 2201-1315		1	13 (10): 104-122 <a href="https://doi.org/10.53333/IJICC2013/131006">https://doi.org/10.53333/IJICC2013/131006</a>	10/2020

21	<i>Đào tạo ngành Quản lý kinh tế, ngành Quản lý công tại trường Đại học Kinh tế quốc dân: Thực trạng và một số định hướng phát triển</i>	6		Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Nâng cao chất lượng đào tạo ngành Quản lý công, Quản lý kinh tế và Chính sách ISBN: 978-604-65-3182-5			8-21	7/2021
22	<i>Models of university autonomy and their relevance to Vietnam</i>	4		Journal of Asian Public Policy ISSN: 1751-6242	<b>SSCI (ISI) và Scopus (Q2)</b>	3	15 (3): 394-410 <a href="https://doi.org/10.1080/17516234.2020.1742412">https://doi.org/10.1080/17516234.2020.1742412</a>	9/2022
23	<i>Chỉ số PAPI - Công cụ đánh giá chất lượng thể chế địa phương ở Việt Nam</i>	3		Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Chính sách phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh mới ISBN: 978-604-70-2488-8			9-22	10/2022
24	<i>Factors affecting educational inequality during the COVID-19 pandemic: The case of secondary school pupils in Hanoi, Vietnam</i>	5	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế CIEMB 2022: Contemporary Issues in Economics, Management and Business ISBN: 978-604-330-515-9			1665-1680	11/2022
25	<i>Impact of Vocational Education and Training On Decent Job Opportunities Regarding Information and Communication Technology</i>	5	X	Journal of Technical Education and Training ISSN: 2229-8932	<b>ESCI (ISI) và Scopus (Q3)</b>		15 (1) 73-84 <a href="https://doi.org/10.30880/jtet.2023.15.01.007">https://doi.org/10.30880/jtet.2023.15.01.007</a>	3/2023

26	<i>Factors affecting the intention of using e-books among students during the COVID-19 pandemic</i>	1	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế IFEAMA 2023: Knowledge Transformation and Innovation in Global Society: From the Perspectives in a Transforming Asia ISBN: 978-604-330-711-5			782-794	5/2023
27	<i>Revisiting the link between fdi and economic growth in vietnam</i>	5	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế IFEAMA 2023: Knowledge Transformation and Innovation in Global Society: From the Perspectives in a Transforming Asia ISBN: 978-604-330-711-5			1025-1039	5/2023
28	<i>Human capital in Vietnam by economic region using an education-based approach</i>	3	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế ICSEED 2023: Socio-economic and Developmental Issues in Development ISBN: 978-604-79-3740-0			2143-2154	6/2023
29	<i>Chính sách hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam</i>	1	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Thực trạng và giải pháp đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước trên nền tảng khoa học công nghệ mới và đổi mới sáng tạo nhằm thực hiện khát vọng Việt Nam ISBN: 978-604-88-7154-3			506-513	8/2023
30	<i>Adolescent Childbearing and Associated Factors in Vietnam</i>	1	X	International Journal of Religion ISSN: 2633-3538	<b>Scopus (Q3)</b>		5 (4) 29-38 <a href="https://doi.org/10.61707/ms1zkj03">https://doi.org/10.61707/ms1zkj03</a>	3/2024

31	Tác động của vốn con người đến năng lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam	2	X	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia: Kinh tế Việt Nam năm 2023 và triển vọng năm 2024: Thúc đẩy tổng cầu để tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh mới ISBN: 978-604-79-4364-7			480 - 488	4/2024
32	Vietnam's Digital Economy Development Policy	1	X	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế ICSEED 2024: Socio-economic and Developmental Issues in Development ISBN: 978-604-79-4446-0			1400-1411	6/2024

- Trong đó: 02 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: [25], [30]

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: .....

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả



- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS: .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo bằng tiếng Anh	Tham gia	Quyết định số 146/QĐ-ĐHKTQD ngày 27/2/2020	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Quyết định số 3230/QĐ-ĐHKTQD ngày 28/12/2022	Phát triển chương trình đào tạo
2	Rà soát, đánh giá và cập nhật các chương trình đào tạo bậc đại học chính quy năm 2021	Tham gia	Quyết định số 114/QĐ-ĐHKTQD ngày 11/3/2021	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Quyết định số 1344/QĐ-ĐHKTQD ngày 26/7/2021	Phát triển chương trình đào tạo
3	Xây dựng đề án mở ngành, chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Chính sách công	Tham gia	Quyết định số 59/QĐ-ĐHKTQD ngày 03/2/2023 và Quyết định số 335/QĐ-ĐHKTQD ngày 10/4/2023	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Quyết định số 114/QĐ-ĐHKTQD ngày 12/3/2024	Xây dựng mới

9. Tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế:

*Nghiên cứu khoa học:*

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: [6]

Hai, H.D.T., Ngoc, A.M., Dang, N.N., Thu, H.L.T. (2021). *Vocational Training Policy for Ethnic Minority Labour in Transitional Countries: The Case Study in the Northwestern of Vietnam*. In: Shioji, H., Adhikari, D.R., Yoshino, F., Hayashi, T. (eds) *Management for Sustainable and Inclusive Development in a Transforming Asia*. Springer, Singapore. [https://doi.org/10.1007/978-981-15-8195-3\\_6](https://doi.org/10.1007/978-981-15-8195-3_6)

*Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2024*

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**



**TS. Nguyễn Đăng Núi**